

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

NGUYỄN THỊ OANH*

Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật có ý nghĩa quan trọng để người khuyết tật được hưởng các quyền một cách bình đẳng và đầy đủ nhất. Bài viết tập trung làm rõ quy định của pháp luật về người khuyết tật và thực trạng thực hiện trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật tại Việt Nam, từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật.

Từ khóa: Người khuyết tật; quyền của người khuyết tật; pháp luật quốc tế; trợ giúp xã hội; thực hiện pháp luật.

Improving the effectiveness of implementing the law on social assistance for people with disabilities is very important because it helps them to enjoy their rights equally. The article focuses on clarifying the provisions of the law on people with disabilities and the current status of social assistance implementation in Vietnam, thereby, proposing a number of solutions to improve the effectiveness of the law enforcement on social assistance for people with disabilities.

Keywords: People with disabilities; rights of people with disabilities; international law; social assistance; law enforcement.

NGÀY NHẬN: 04/01/2024 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 02/02/2024 NGÀY DUYỆT: 18/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.338.2024.803>

1. Quy định pháp luật quốc tế và Việt Nam về người khuyết tật

Theo pháp luật quốc tế về quyền con người, người khuyết tật thuộc nhóm người dễ bị tổn thương và chiếm số lượng lớn trong xã hội. Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) có khoảng 15% dân số thế giới (tương đương hơn 1 tỷ người) đang sống chung với một dạng khuyết tật nào đó¹.

Trong một vài thập kỷ gần đây, bảo đảm quyền của người khuyết tật, trong đó các chính sách về trợ giúp xã hội ngày càng được

quan tâm nhiều hơn trên thế giới. Hoạt động này không chỉ mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện mà còn bao hàm cả kinh tế - xã hội, pháp lý. Lịch sử từ khi thành lập đến nay, Liên hiệp quốc đã thông qua nhiều văn bản quốc tế cơ bản mặc dù không có quy định ràng buộc về mặt pháp lý, nhưng có giá trị về mặt chính trị và đạo đức có liên quan đến người khuyết tật. Cụ thể, các văn bản được

* ThS, Trường Chính trị Hoàng Đình Giông, tỉnh Cao Bằng

Đại Hội đồng Liên hiệp quốc thông qua, như: tuyên ngôn về quyền của người khuyết tật về tâm thần ngày 24/12/1971; tuyên ngôn về quyền của người khuyết tật ngày 09/12/1975; các nguyên tắc bảo vệ người mắc bệnh tâm thần và cải thiện việc chăm sóc sức khỏe tâm thần ngày 17/12/1991; quy tắc tiêu chuẩn về bình đẳng cơ hội cho người khuyết tật ngày 20/12/1993.

Trên phương diện pháp lý, Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật năm 2007 (CRPD) ra đời được nhiều quốc gia phê chuẩn đã góp phần bảo vệ và thúc đẩy tốt hơn quyền của người khuyết tật. CRPD nhằm thúc đẩy và bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng một cách bình đẳng và đầy đủ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người và thúc đẩy sự tôn trọng phẩm giá vốn có của họ. Kèm theo CRPD năm 2007 là Nghị định thư bổ sung (Optional Protocol) được thông qua, mở cho các quốc gia ký và phê chuẩn có hiệu lực cùng ngày.

Bên cạnh đó, quy định liên quan tới khuyết tật cũng được thể hiện trong một số điều ước quốc tế khác, như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (CAT), Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em... Các văn bản pháp luật quốc tế trên là hành lang pháp lý để cộng đồng thế giới quy định việc thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi của mọi người nói chung, trong đó có người khuyết tật, thông qua các điều khoản quy định về không phân biệt đối xử.

Theo báo cáo của Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, nước ta hiện có trên 7 triệu người khuyết tật (chiếm hơn 7,06% dân số từ 2 tuổi trở lên), trong đó số lượng người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng chiếm khoảng 28,9%, khoảng 10% người khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo². Đảng luôn có quan điểm, chính sách nhất

quán về người khuyết tật. Kế thừa và đổi mới, bổ sung, phát triển so với Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Trên cơ sở đó, Nhà nước thể chế hóa các quan điểm của Đảng và được thể hiện trong *Hiến pháp* qua các thời kỳ.

Việt Nam là quốc gia thành viên thứ 118 ký kết CRDP, phê chuẩn vào tháng 10/2014 và có hiệu lực vào ngày 05/02/2015 mà không bảo lưu điều, khoản nào. Từ đó, đến nay, Việt Nam đã triển khai nhiều biện pháp cụ thể, chú trọng xây dựng từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách về người khuyết tật theo hướng bảo đảm sự tương đồng với Công ước quốc tế, trong đó quan trọng nhất là *Luật Người khuyết tật* năm 2010 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2013). Tại khoản 3 Điều 5 *Luật Người khuyết tật* năm 2010 quy định rõ: bảo trợ xã hội; trợ giúp người khuyết tật trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, thể thao, giải trí, tiếp cận công trình công cộng và công nghệ thông tin, tham gia giao thông; ưu tiên thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ người khuyết tật là trẻ em, người cao tuổi. Ngoài ra, *Luật* này cũng quy định trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội đối với người khuyết tật.

2. Quy định pháp luật về trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật tại Việt Nam

Phát huy truyền thống dân tộc Việt Nam với tinh thần “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách”, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta luôn dành cho đối tượng yếu thế, trong đó có người khuyết tật luôn nhận được sự quan tâm, chăm lo kịp thời. Theo đó, hoạt động trợ giúp xã hội được quy định trong nhiều văn bản, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước ở từng thời điểm khác nhau, như: Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày

13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Chính phủ về phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội... Theo đó, một số nội dung trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật đã được triển khai. Cụ thể:

Một là, trợ giúp xã hội.

Theo Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021, mức trợ cấp xã hội hàng tháng được quy định cụ thể: hệ số 2,0 đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, đối với trẻ em khuyết tật nặng hoặc người cao tuổi là người khuyết tật nặng; hệ số 2,5 đối với trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người cao tuổi là người khuyết tật đặc biệt nặng; hệ số 1,5 đối với người khuyết tật nặng. Tại khoản 1 Điều 8 về thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng thì thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật từ tháng được cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

Bên cạnh đó, người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được hỗ trợ chi phí mai táng khi chết. Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội.

Hai là, trợ giúp y tế.

Luật Người khuyết tật năm 2010 có một chương quy định về vấn đề chăm sóc sức

khỏe cho người khuyết tật. Tại Điều 9 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ cũng quy định người khuyết tật là đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Ba là, trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Tại Điều 10 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định: người khuyết tật là đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng học giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng và đại học được hưởng chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo quy định của pháp luật. Trước đó, ngày 31/12/2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Thông tư này quy định ưu tiên nhập học và tuyển sinh; miễn, giảm một số nội dung môn học, môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục; đánh giá kết quả giáo dục; chính sách về học phí; chính sách về học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập, áp dụng đối với người khuyết tật học tập trong các cơ sở giáo dục có dạy người khuyết tật, các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

3. Thực hiện pháp luật về trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật tại Việt Nam

Thời gian qua, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật; *Luật Người khuyết tật* năm 2010; các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương về công tác người khuyết tật nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội...; xác

định rõ trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và phối hợp thực hiện công tác trợ giúp người khuyết tật ở các địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị.

Theo số liệu của Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật, trong năm 2022, công tác trợ giúp đời sống, cải thiện điều kiện sinh hoạt cho người khuyết tật Ngân sách nhà nước đã bố trí 28.731 tỷ đồng trợ cấp hàng tháng và mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội và khoảng 480 tỷ đồng thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục đối với người khuyết tật. Đến nay, cả nước có trên 1,5 triệu người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; 342.329 gia đình, cá nhân nhận chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng³, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng và hàng triệu người khuyết tật, trẻ em khuyết tật được nuôi dưỡng, chăm sóc trong các cơ sở trợ giúp xã hội. Cùng với nguồn ngân sách nhà nước, các tổ chức người khuyết tật đã tích cực huy động nguồn lực xã hội để cải thiện đời sống và điều kiện sinh hoạt cho người khuyết tật theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Theo báo cáo kết quả thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020 về tiếp cận giáo dục, Việt Nam đã hình thành hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh tại hơn 20 tỉnh, thành phố; đã có 107 cơ sở giáo dục chuyên biệt và 12 trung tâm giáo dục trẻ em khuyết tật và triển khai giáo dục hòa nhập ở tất cả các cấp học phổ thông. Số trẻ khuyết tật được đi học ở Việt Nam đã tăng gấp 10 lần trong 2 thập kỷ qua. Tỷ lệ đi học đúng tuổi ở cấp tiểu học của trẻ khuyết tật khoảng 88,7%, trung học phổ thông là 33,6%⁴.

Về chăm sóc y tế và phục hồi chức năng, có 50 tỉnh, thành phố, với 337 quận, huyện và 4.604 xã, phường đã ban hành kế hoạch phát triển công tác phục hồi chức năng; 36 tỉnh, thành phố đã tiến hành khám sàng lọc khuyết tật, xác định nhu cầu cần phục hồi của người khuyết tật; 29/63 tỉnh, thành phố triển khai hệ thống thông tin và có trên 500

nghìn người khuyết tật đã được lập hồ sơ theo dõi phân mềm. Thông qua chương trình, có 170 nghìn người khuyết tật được chăm sóc sức khỏe, 23,2% người khuyết tật⁵ có nhu cầu được phục hồi chức năng tại cộng đồng, góp phần quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe người khuyết tật.

Về đào tạo nghề và việc làm, cả nước có 1.130 cơ sở dạy nghề có tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật, trong đó có 744 cơ sở công lập, 386 cơ sở tư thực. Trong số các cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật, có 225 cơ sở dạy nghề chuyên biệt với tổng số 3.359 giáo viên tham gia dạy nghề cho người khuyết tật⁶.

Hiện nay, cả nước có 4 trường đại học sư phạm và 3 trường cao đẳng sư phạm thành lập khoa Giáo dục đặc biệt và mở các mã ngành đào tạo giáo viên dạy trẻ khuyết tật; mỗi năm, các trường nêu trên đào tạo được gần 600 giáo viên dạy trẻ khuyết tật. Trên phạm vi các nước, hàng năm, tập huấn giáo dục hòa nhập cho 600 - 700 cán bộ quản lý và từ 2.000 - 2.500 giáo viên mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông cốt cán của 63 tỉnh, thành phố⁷ về nghiệp vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật để những người này tiến hành tập huấn, hướng dẫn cho giáo viên tại các địa phương về giáo dục hòa nhập, tiếp tục phát triển mạng lưới giáo viên dạy trẻ khuyết tật trong cả nước.

Từ những kết quả trên cho thấy, các chính sách, pháp luật của Nhà nước đã từng bước đi vào đời sống và đã đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn những bất cập trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật ở một số địa phương, như: chế độ trợ giúp xã hội cho người khuyết tật còn chưa đáp ứng so với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay; số lượng người khuyết tật được cơ sở trợ giúp xã hội còn ít; cơ sở vật chất tại các cơ sở trợ giúp người khuyết tật còn thiếu thốn, nhất là trang thiết bị y tế phục hồi chức năng cho người khuyết tật, thiếu các dịch vụ trị liệu tâm lý. Ngoài ra, cán bộ quản lý giáo dục

được đào tạo phương pháp giảng dạy phù hợp với người khuyết tật và đội ngũ giáo viên còn thiếu; bố trí lớp học chưa linh hoạt, thiếu các thiết bị, đồ dùng dạy học; chưa có cơ hội tiếp cận với nghề nghiệp, việc làm phù hợp...

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật tại Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục tập trung hoàn thiện và đồng bộ hơn nữa hệ thống pháp luật trong bảo đảm quyền của người khuyết tật về trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như tinh thần của CRPD. Theo đó, việc xây dựng pháp luật phải được tiếp cận từ góc độ bảo đảm quyền của người khuyết tật trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; bảo đảm dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận.

Thứ hai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện pháp luật về người khuyết tật; thúc đẩy kết nối hoạt động của các bộ, ngành, chính quyền địa phương, các hội, đoàn thể trong các hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật tiếp cận được các chính sách chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo nghề...; xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia hệ thống bảo hiểm xã hội nhằm góp phần tăng nhanh số lượng người khuyết tật tham gia mạng lưới an sinh xã hội. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và kịp thời xử lý các hành vi xâm phạm quyền của người khuyết tật.

Thứ ba, tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng và thực thi pháp luật, chính sách đối với người khuyết tật, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật trong triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm quyền của người khuyết tật, nhất là những vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Thứ tư, tăng cường kiểm tra, thanh tra,

giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện luật pháp, chính sách đối với người khuyết tật; xây dựng tiêu chuẩn các cơ sở hạ tầng thiết yếu phù hợp cuộc sống của người khuyết tật, tạo cơ hội bình đẳng cho người khuyết tật; đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp người khuyết tật, huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trợ giúp người khuyết tật.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về người khuyết tật với đa dạng phương pháp, hướng đến nhiều đối tượng nhằm nâng cao nhận thức xã hội về trách nhiệm của tất cả các cấp, các ngành và toàn xã hội trong bảo đảm quyền của người khuyết tật với vị trí là người được thụ hưởng quyền □

Chú thích:

1. Trần Thị Bình, Vũ Hồng Phong, Vũ Phương Thảo. *Xóa bỏ kỳ thị, quan điểm và đánh giá của người khuyết tật*. H. NXB Tri thức, 2017.

2. *Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của xã hội đối với người khuyết tật*. <http://btxh.gov.vn>, truy cập ngày 29/11/2023.

3. *Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam tổng kết công tác năm 2022*. <http://btxh.gov.vn>, truy cập ngày 30/12/2023.

4, 5, 6, 7. *Kết quả thực hiện chương trình đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020 và kế hoạch triển khai giai đoạn 2021 - 2030*. <https://consosukien.vn>, truy cập ngày 30/12/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Ngô Minh Hương, Lê Khánh Tùng. *Quyền của người khuyết tật*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2019.

2. Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng (biên soạn). *Hỏi đáp về quyền con người*. H. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.

3. Lương Minh Tuân, Trịnh Quốc Toàn, Vũ Công Giao (chủ biên). *Quyền được bảo đảm an sinh xã hội, quyền được sống trong môi trường trong lành trong Hiến pháp năm 2013: khả năng thực hiện và kiến nghị trong cuốn "Thực thi các quyền hiến định trong Hiến pháp 2013"*. H. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.